

Bắc Giang, ngày 05 tháng 8 năm 2022

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TÂM LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG

1. Thông tin chung về học phần

- Mã học phần: LLC 2005
- Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: bắt buộc
- Các học phần tiên quyết: Triết học Mác - Lênin
- Các học phần song hành: Không
- Các yêu cầu với học phần: Không
- + Sĩ số tối đa lớp học: ≤ 40 sinh viên
- + Thiết bị dạy học: Máy chiếu, phong chiếu, bảng, laptop.
- Bộ môn (Khoa) phụ trách học phần: Khoa Lý luận chính trị - khoa học cơ bản
- Số tiết quy định đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 15 tiết
 - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
 - * Thảo luận: 30 tiết
 - + Tự học: 90 giờ
 - * Làm bài tập: 0 tiết
 - + Tự học có hướng dẫn: 0 tiết
 - + Thực hành, thí nghiệm: 0 tiết
 - * Bài tập lớn (tiểu luận): 0 tiết

2. Thông tin chung về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1	ThS. Nguyễn Thị Diễm	0986108609	diemlinh84@gmail.com	
2	TS. Đặng Xuân Anh	0913368819	anhdx@bafu.edu.vn	
3	ThS. Nguyễn Việt Đức	0912386116	ducnv411@gmail.com	

3. Mục tiêu của học phần

- Yêu cầu về kiến thức:

Người học giải thích được tâm lý học là gì, quá trình hình thành và phát triển của các hiện tượng tâm lý. Trình bày được cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của các hiện tượng tâm lý. Khái quát được các quy luật tâm lý và các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành phát triển tâm lý, nhân cách.

- Yêu cầu về kỹ năng:

Phát triển các kỹ năng đọc tài liệu, kỹ năng chuẩn bị xemina theo yêu cầu của giáo viên, kỹ năng phân tích và tổng hợp các tri thức tâm lý được học để nhận dạng các hiện tượng tâm lý cơ bản, kỹ năng thảo luận và tự học, tự nghiên cứu tài liệu. Khái quát các quy luật tâm lý đã học để giải quyết các vấn đề trong học tập và

trong cuộc sống.

- Yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp:

Nhận thức rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nghiên cứu các hiện tượng tâm lý trong đời sống, trong quan hệ giao tiếp, ứng xử và đặc biệt trong hoạt động nghề nghiệp tương lai. Hình thành niềm say mê học tập và nghiên cứu. Có khả năng làm việc độc lập, tự chủ. Có thái độ đúng đắn đối với việc học tập môn tâm lý học, có ý thức tìm hiểu, vận dụng kiến thức tâm lý học vào cuộc sống và nghề nghiệp sau này.

Ghi chú: Mục tiêu của học phần được thể hiện tại Phụ lục 2

4. Chuẩn đầu ra của học phần (LO – Learning Out comes)

STT	Mã CDR (LO)	Mô tả CDR học phần <i>Sau khi học xong môn học này, người học có thể:</i>
1	LO.1	Chuẩn về kiến thức
	LO.1.1	Nhận thức được đối tượng, nhiệm vụ, ý nghĩa của tâm lý học.
	LO.1.2	Giải thích được bản chất hiện tượng tâm lý người. Phân loại các hiện tượng tâm lý và mô tả được các nguyên tắc, phương pháp nghiên cứu tâm lý.
	LO.1.3	Làm rõ được cơ sở tự nhiên, cơ sở xã hội của hiện tượng tâm lý người.
	LO.1.4	So sánh được đặc điểm, quy luật của các quá trình nhận thức cảm tính, nhận thức lý tính, trí nhớ và vai trò của nó trong hoạt động thực tiễn.
	LO.1.5	Giải thích được các giai đoạn phát triển tâm lý theo lứa tuổi. Phân tích được bản chất và sự hình thành phát triển tâm lý, ý thức.
	LO.1.6	Làm rõ được vai trò của đời sống tình cảm và hành động ý chí đối với đời sống của con người.
2	LO.1.7	Khái quát được cấu trúc và các thuộc tính cơ bản của nhân cách. Chỉ ra được các yếu tố chi phối sự hình thành và phát triển nhân cách.
	LO.2	Chuẩn về kỹ năng
	LO.2.1	Sử dụng các kiến thức tâm lý học vào việc giải thích các hiện tượng tâm lý ở người trong hoạt động, trong giao tiếp ứng xử và thực tiễn nghề nghiệp.
	LO.2.2	Lý giải, xử lý các tình huống xảy ra trong cuộc sống và có khả năng làm việc hiệu quả.

STT	Mã CDR (LO)	Mô tả CDR học phần <i>Sau khi học xong môn học này, người học có thể:</i>
	LO.2.3	Chỉ ra được sự khác nhau giữa nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính. Từ đó làm rõ vai trò của hoạt động nhận thức đối với học tập và lao động.
	LO.2.4	Đưa kiến thức tâm lý học cuộc sống, vào việc hình thành, phát triển tâm lý, ý thức, phẩm chất, nhân cách của bản thân. Nâng cao khả năng tự học, tự nghiên cứu, khả năng làm việc độc lập.
3	LO.3	<i>Chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp</i>
	LO.3.1	Nhận thức rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nghiên cứu các hiện tượng tâm lý trong đời sống, trong quan hệ giao tiếp, ứng xử và đặc biệt trong hoạt động nghề nghiệp tương lai.
	LO.3.2	Xem xét và giải thích các hiện tượng tâm lý trong đời sống xã hội theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng.
	LO.3.3	Hình thành niềm say mê học tập và nghiên cứu. Có khả năng làm việc độc lập, tự chủ.
	LO.3.4	Có thái độ đúng đắn đối với việc học tập môn tâm lý học, có ý thức tìm hiểu, vận dụng kiến thức tâm lý học vào cuộc sống và nghề nghiệp sau này.

Ghi chú: Mã hóa chuẩn đầu ra học phần, đánh giá mức độ tương thích của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra CTĐT được thể hiện tại Phụ lục 1

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Tâm lý học đại cương là học phần bắt buộc gồm 2 tín chỉ thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Học phần cung cấp cho người học các khái niệm cơ bản của tâm lý học như: tâm lý, tâm lý học, hoạt động, giao tiếp, nhân cách; các phương pháp nghiên cứu cơ bản của tâm lý học như: quan sát, điều tra, trắc nghiệm, thực nghiệm, phỏng vấn,...; quá trình hình thành và phát triển tâm lý người; các đặc điểm, qui luật và cơ chế tâm lý của các quá trình, trạng thái và thuộc tính tâm lý con người; phân tích và chứng minh vai trò của các yếu tố cơ bản trong sự hình thành và phát triển nhân cách; dự báo các xu hướng, tiềm năng và tiền đề phát triển của khoa học tâm lý trong thế kỉ XXI.

6. Mức độ đóng góp của các bài giảng để đạt được chuẩn đầu ra của học phần

Mức độ đóng góp của mỗi bài giảng được mã hóa theo 3 mức, trong đó:

+ Mức 1: Thấp (**Nhớ:** Bao gồm việc người học có thể nhớ lại các điều đặc biệt hoặc tổng quát, trọn vẹn hoặc một phần các quá trình, các dạng thức, cấu trúc... đã được học. Ở cấp độ này người học cần nhớ lại đúng điều được hỏi đến).

+ Mức 2: Trung bình (**Hiểu**: Ở cấp độ nhận thức này, người học cần nắm được ý nghĩa của thông tin, thể hiện qua khả năng diễn giải, suy diễn, liên hệ).

+ Mức 3: Cao (**Vận dụng, phân tích, đánh giá, sáng tạo**: Người học có khả năng chia các nội dung, các thông tin thành những phần nhỏ để có thể chỉ ra các yếu tố, các mối liên hệ, các nguyên tắc cấu trúc của chúng).

Bài giảng	Chuẩn đầu ra của học phần														
	LO 1.1	LO 1.2	LO 1.3	LO 1.4	LO 1.5	LO 1.6	LO 1.7	LO 2.1	LO 2.2	LO 2.3	LO 2.4	LO 3.1	LO 3.2	LO 3.3	LO 3.4
Chương 1	1	2						2				1		2	
Chương 2			2						2				2	2	
Chương 3				2						2	2		2		2
Chương 4					2					2				2	2
Chương 5					2				2						2
Chương 6						2					2			2	2
Chương 7							2				2				2

7. Danh mục tài liệu

- Tài liệu học tập chính:

[1] Nguyễn Quang Uẩn (2015), *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, Nxb, Đại học Sư phạm.

- Tài liệu tham khảo:

[2] Nguyễn Thị Diễm, Nguyễn Việt Đức (2016), *Bài giảng Tâm lý học đại cương*, trường Đại học Nông – Lâm Bắc Giang.

[3] Nguyễn Đức Lâm (2009), *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, Trường Đại học Đà Lạt.

[4] Nguyễn Thị Vân Hương (2014), *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, Nxb, Chính trị quốc gia.

[5] Trần Trọng Thủy (2011), *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, Nxb, Giáo dục, 2011.

[6] Nguyễn Quang Uẩn (2011), *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, Nxb, Quốc gia Hà Nội.

8. Nhiệm vụ của người học

8.1. Phân lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng số thời lượng của học phần.
- Tích cực, chủ động tham gia thảo luận trên lớp.
- Hoàn thành các câu hỏi, bài tập về nhà được giao trong bài giảng.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

(Nhiệm vụ của người học được thể hiện tại Phụ lục 3)

8.2. Phần thí nghiệm, thực hành: Không

(Nhiệm vụ của người học được thể hiện tại Phụ lục 3)

8.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận: Không

8.4. Phần khác: Không

9. Phương pháp giảng dạy

- Phân lý thuyết: Thuyết trình, phát vấn, giải thích, tự học
- Phân thảo luận: Thuyết trình, làm việc nhóm, thảo luận, tự học.

(Phương pháp giảng dạy được thể hiện tại Phụ lục 3)

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập

10.1 Các phương pháp kiểm tra đánh giá giúp đạt được và thể hiện, đánh giá được các kết quả học tập của học phần:

- Phương pháp kiểm tra: Tự luận
- Hình thức kiểm tra, đánh giá:
 - + Điểm chuyên cần: Điểm danh và thái độ học tập
 - + Kiểm tra thường xuyên và thi giữa kỳ: Tự luận
 - + Thi kết thúc học phần: Tự luận và Vấn đáp

(Phương pháp kiểm tra đánh giá được thể hiện tại Phụ lục 4)

10.2. Thang điểm, tiêu chí đánh giá và mô tả mức đạt được điểm số

- + Thang điểm đánh giá: Theo thang điểm 10
- + Trọng số đánh giá kết quả học tập:

Bảng 1: Trọng số đánh giá kết quả học tập

Điểm thành phần	Điểm quá trình			Điểm thi kết thúc HP
	Điểm chuyên cần	02 bài kiểm tra thường xuyên	Bài thi giữa học phần	Bài thi kết thúc học phần (Thi vấn đáp + tự luận)
Trọng số	10%	20%	20%	50%

Bảng 2: Đánh giá học phần

Bảng 2.1. Đánh giá chuyên cần

Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia thảo luận	10%	Thái độ tham dự (2%) Trong đó: - Luôn chú ý và tham gia các hoạt động (2%) - Khá chú ý, có tham gia (1,5%) - Có chú ý, ít tham gia (1%)		2

Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
		- Không chú ý, không tham gia (0%)		
		Thời gian tham dự (8%) - Nếu vắng 01 tiết trừ 1 % - Vắng quá 20% tổng số tiết của học phần thì không đánh giá.		8

Bảng 2.2. Đánh giá bài kiểm tra thường xuyên và bài thi giữa học phần

Tiêu chí	Trọng số	Giỏi – Xuất sắc (8,5-10)	Khá (7,0-8,4)	Trung bình (5,5-6,9)	Trung bình yếu (4,0-5,4)	Kém <4,0
Bài kiểm tra thường xuyên						
Nội dung chương 1, 2, 3, 6, 7 sử dụng kiến thức trả lời câu hỏi.	20%	Hiểu >=85% kiến thức của chương 1, 2, 3, 6, 7 sử dụng kiến thức trả lời câu hỏi.	Hiểu 70%- 84% kiến thức của chương 1, 2, 3, 6, 7 Có khả năng sử dụng 80% kiến thức để trả lời câu hỏi.	Hiểu 55%- 69% kiến thức của chương 1, 2, 3, 6, 7 Có khả năng sử dụng 50% kiến thức để trả lời câu hỏi.	Hiểu 40% - 54% kiến thức của chương 1, 2, 3, 6, 7 Có khả năng sử dụng 30% kiến thức để trả lời câu hỏi.	Hiểu <40% kiến thức của chương 1, 2, 3, 6, 7 Chưa có khả năng sử dụng kiến thức để trả lời câu hỏi
Bài thi giữa học phần						
Nội dung chương 4,5 sử dụng kiến thức trả lời câu hỏi.	20%	Hiểu >=85% kiến thức của chương 4,5 sử dụng kiến thức trả lời câu hỏi.	Hiểu 70%- 84% kiến thức của chương 4,5 Có khả năng sử dụng 80% kiến thức để trả lời câu hỏi.	Hiểu 55%- 69% kiến thức của chương 4,5 Có khả năng sử dụng 50% kiến thức để trả lời câu hỏi.	Hiểu 40% - 54% kiến thức của chương 4,5 Có khả năng sử dụng 30% kiến thức để trả lời câu hỏi.	Hiểu <40% kiến thức của chương 4,5 Chưa có khả năng sử dụng kiến môn để trả lời câu hỏi

Bảng 2.3. Đánh giá điểm thi (Vấn đáp, tự luận)

Tiêu chí	Trọng số	Giỏi – Xuất sắc (8,5-10)	Khá (7,0-8,4)	Trung bình (5,5-6,9)	Trung bình yếu (4,0-5,4)	Kém <4,0
----------	----------	--------------------------	---------------	----------------------	--------------------------	----------

Tiêu chí	Trọng số	Giỏi – Xuất sắc (8,5-10)	Khá (7,0-8,4)	Trung bình (5,5-6,9)	Trung bình yếu (4,0-5,4)	Kém <4,0
Nội dung chương 1,2,3,4,5, 6,7 sử dụng kiến thức trả lời câu hỏi.	50%	Hiểu >=85% kiến thức chương 1,2,3,4,5, 6,7. sử dụng kiến thức trả lời câu hỏi.	Hiểu 70%- 84% kiến thức chương 1,2,3,4,5, 6,7. Có khả năng sử dụng 80% kiến thức của môn để trả lời câu hỏi.	Hiểu 55%- 69% kiến thức chương 1,2,3,4,5, 6,7. Có khả năng sử dụng 50% kiến thức của môn để trả lời câu hỏi.	Hiểu 40% - 54% kiến thức chương 1,2,3,4,5, 6,7. Có khả năng sử dụng 30% kiến thức của môn để trả lời câu hỏi.	Hiểu <40% kiến thức chương 1,2,3,4,5, 6,7. Chưa có khả năng sử dụng kiến thức của môn để trả lời câu hỏi

11. Nội dung chi tiết học phần

11.1. Nội dung về lý thuyết và thảo luận

Chương 1: Tâm lý học là một khoa học

(Tổng số tiết: 3; Số tiết lý thuyết: 1 ; Số tiết bài tập, thảo luận: 2)

1.1 Vài nét về lịch sử hình thành và phát triển của tâm lý học

1.1.1 Những tư tưởng tâm lý học thời cổ đại

1.1.2 Những tư tưởng tâm lý học đến nửa đầu thế kỷ XIX

1.1.3 Tâm lý học trở thành một khoa học độc lập

1.2 Đối tượng, nhiệm vụ, vị trí của tâm lý học

1.2.1 Đối tượng của tâm lý học

1.2.2 Nhiệm vụ của tâm lý học

1.2.3 Vị trí của tâm lý học

1.3 Bản chất, chức năng, phân loại các hiện tượng tâm lý

1.3.1 Bản chất của tâm lý người

1.3.2 Chức năng của tâm lý

1.3.3 Phân loại các hiện tượng tâm lý

1.4 Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý

1.4.1 Các nguyên tắc phương pháp luận của tâm lý học

1.4.2 Các phương pháp nghiên cứu tâm lý

Chương 2: Cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lý người

(Tổng số tiết: 6; Số tiết lý thuyết: 2 ; Số tiết bài tập, thảo luận: 4)

2.1 Cơ sở tự nhiên của tâm lý người

2.1.1 Di truyền và tâm lý

2.1.2 Não và tâm lý

2.1.3 Phản xạ có điều kiện và tâm lý

2.1.4 Hệ thống tín hiệu thứ hai và tâm lý

2.2 Cơ sở xã hội của tâm lý người

2.2.1 Quan hệ xã hội, nền văn hoá xã hội và tâm lý con người

2.2.2 Hoạt động và tâm lý

2.2.3 Giao tiếp và tâm lý

2.2.4 Một số hiện tượng tâm lý xã hội

Chương 3: Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức

(Tổng số tiết: 6; Số tiết lý thuyết: 2; Số tiết bài tập, thảo luận: 4)

3.1 Sự hình thành và phát triển tâm lý

3.1.1 Sự nảy sinh và phát triển tâm lý về phương diện loài

3.1.2 Sự hình thành và phát triển tâm lý về phương diện cá thể

3.2 Sự hình thành và phát triển ý thức

3.2.1 Khái niệm chung về ý thức

3.2.2 Sự hình thành và phát triển ý thức

3.2.3 Các cấp độ ý thức

3.2.4 Chú ý - điều kiện của hoạt động có ý thức

Kiểm tra 1 tiết: bài 1

Chương 4: Hoạt động nhận thức

(Tổng số tiết: 10; Số tiết lý thuyết: 2; Số tiết bài tập, thảo luận: 8)

4.1 Nhận thức cảm tính

4.1.1 Cảm giác

4.1.1.1 Khái niệm cảm giác

4.1.1.2 Các loại cảm giác

4.1.1.3 Các quy luật cơ bản của cảm giác

4.1.2 Tri giác

4.1.2.1 Khái niệm tri giác

4.1.2.2 Các loại tri giác

4.1.2.3 Các quy luật cơ bản của tri giác

4.2 Nhận thức lý tính

4.2.1 Tư duy

4.2.1.1 Khái niệm tư duy

4.2.1.2 Các loại tư duy

4.2.1.3 Các giai đoạn và thao tác của tư duy

4.2.2 Tưởng tượng

4.2.2.1 Khái niệm tưởng tượng

4.2.2.2 Các loại tưởng tượng

4.2.2.3 Các cách sáng tạo hình ảnh mới trong tưởng tượng

4.3 Ngôn ngữ và nhận thức

4.3.1 Khái niệm ngôn ngữ

4.3.2 Các chức năng của ngôn ngữ

4.3.3 Các loại ngôn ngữ

4.3.4 Vai trò của ngôn ngữ đối với hoạt động nhận thức

Chương 5: Trí nhớ

(Tổng số tiết: 3; Số tiết lý thuyết: 1 ; Số tiết bài tập, thảo luận: 2)

5.1 Khái niệm về trí nhớ

5.1.1 Định nghĩa

5.1.2 Đặc điểm của trí nhớ

5.2 Các quá trình cơ bản của trí nhớ

5.2.1 Quá trình ghi nhớ

5.2.2 Quá trình gìn giữ

5.2.3 Quá trình tái hiện

5.2.4 Sự quên

5.3 Làm thế nào để có trí nhớ tốt

5.3.1 Làm thế nào để ghi nhớ tốt

5.3.2 Làm thế nào để ôn tập tốt những cái đã ghi nhớ

5.3.3 Làm thế nào để hồi tưởng cái đã quên

Thi giữa học phần: 1 tiết

Chương 6: Tình cảm và ý chí

(Tổng số tiết: 7; Số tiết lý thuyết: 2; Số tiết bài tập, thảo luận: 5)

6.1 Tình cảm

6.1.1 Khái niệm tình cảm

6.1.2 Đặc điểm của tình cảm

6.1.3 Vai trò của tình cảm

6.1.4 Các mức độ của đời sống tình cảm

6.1.4.1 Mức độ 1: Màu sắc xúc cảm của cảm giác

6.1.4.2 Mức độ 2: Xúc cảm

6.1.4.3 Mức độ 3: Tình cảm

6.1.5 So sánh xúc cảm và tình cảm

6.1.6 Các qui luật của đời sống tình cảm

6.2 Ý chí và hành động ý chí

6.2.1 Ý chí

6.2.2 Hành động ý chí

6.2.3 Hành động tự động hoá

Chương 7: Sự hình thành, phát triển và hoàn thiện nhân cách

(Tổng số tiết: 7; Số tiết lý thuyết: 2; Số tiết bài tập, thảo luận: 5)

7.1 Khái niệm chung về nhân cách

7.1.1 Khái niệm con người, cá nhân, cá tính, nhân cách

7.1.2 Khái niệm nhân cách trong tâm lý học

7.1.3 Các đặc điểm cơ bản của nhân cách

7.2 Các kiểu nhân cách

7.2.1 Phân loại nhân cách theo định hướng giá trị

7.2.2 Phân loại nhân cách qua giao tiếp

7.2.3 Phân loại nhân cách qua bộc lộ bản thân và trong hoạt động giao tiếp

7.2.4 Các kiểu nhân cách sinh viên

7.3 Cấu trúc của nhân cách

7.3.1 Xu hướng nhân cách và động cơ nhân cách

7.3.2 Tính cách

7.3.3 Khí chất

7.3.4 Năng lực

7.4. Sự hình thành, phát triển và hoàn thiện nhân cách

7.4.1 Các yếu tố chi phối sự hình thành và phát triển nhân cách

7.4.2 Sự hoàn thiện nhân cách

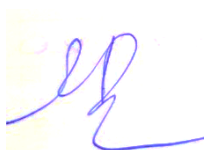
Kiểm tra 1 tiết: bài 2

11.2. Nội dung về thực hành, thí nghiệm: Không

11.3. Nội dung về bài tập lớn, tiểu luận: Không

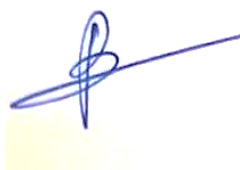
12. Thời gian phê duyệt đề cương học phần: Ngày 05 tháng 8 năm 2022

**GIẢNG VIÊN
PHỤ TRÁCH HỌC PHẦN**



ThS. Nguyễn Thị Diễm

TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Nguyễn Thị Dung

P.TRƯỞNG KHOA PTK



ThS. Phạm Thị Hằng

PHỤ LỤC 1

MÃ HÓA CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN, ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ TƯƠNG THÍCH CỦA CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA CTĐT

STT	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ theo thang Bloom	Đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT
1	Chuẩn về kiến thức		
	LO1.1: Nhận thức được đối tượng, nhiệm vụ, ý nghĩa của tâm lý học.	1	CĐR 2
	LO1.2: Giải thích được bản chất hiện tượng tâm lý người. Phân loại các hiện tượng tâm lý và mô tả được các nguyên tắc, phương pháp nghiên cứu tâm lý.	2	CĐR 2
	LO1.3: Làm rõ được cơ sở tự nhiên, cơ sở xã hội của hiện tượng tâm lý người.	2	CĐR 2
	LO1.4: So sánh được đặc điểm, quy luật của các quá trình nhận thức cảm tính, nhận thức lý tính, trí nhớ và vai trò của nó trong hoạt động thực tiễn.	2	CĐR 2
	LO1.5: Giải thích được các giai đoạn phát triển tâm lý theo lứa tuổi. Phân tích được bản chất và sự hình thành phát triển tâm lý, ý thức.	2	CĐR 2
	LO1.6: Làm rõ được vai trò của đời sống tình cảm và hành động ý chí đối với đời sống của con người.	2	CĐR 2
	LO1.7: Khái quát được cấu trúc và các thuộc tính cơ bản của nhân cách. Chỉ ra được các yếu tố chi phối sự hình thành và phát triển nhân cách.	2	CĐR 2
2	Chuẩn về kỹ năng		
	LO2.1: Sử dụng các kiến thức tâm lý học vào việc giải thích các hiện tượng tâm lý ở người trong hoạt động, trong giao tiếp ứng xử và thực tiễn nghề nghiệp.	2	CĐR 12 (CNTTP) CĐR 13 (CNKO, THUY) CĐR 14 (KETOAN, TMĐT, NNTQ, QLDD)
	LO2.2: Lý giải, xử lý các tình huống xảy ra trong cuộc sống và có khả năng làm việc hiệu quả.	2	CĐR 12 (CNTTP) CĐR 13 (CNKO, THUY) CĐR 14 (KETOAN, TMĐT, NNTQ,

STT	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ theo thang Bloom	Đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT
			QLDD)
	LO2.3: Chỉ ra được sự khác nhau giữa nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính. Từ đó làm rõ vai trò của hoạt động nhận thức đối với học tập và lao động.	2	CĐR 12 (CNTP) CĐR 13 (CNKO, THUY) CĐR 14 (KETOAN, TMĐT, NNTQ, QLDD)
	LO2.4: Đưa kiến thức tâm lý học vào cuộc sống, vào việc hình thành, phát triển tâm lý, ý thức, nhân cách của bản thân. Nâng cao khả năng tự học, tự nghiên cứu, khả năng làm việc độc lập.	2	CĐR 12 (CNTP) CĐR 13 (CNKO, THUY) CĐR 14 (KETOAN, TMĐT, NNTQ, QLDD)
	Chuẩn về năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp		
3	LO3.1: Nhận thức rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nghiên cứu các hiện tượng tâm lý trong đời sống, trong quan hệ giao tiếp ứng xử và đặc biệt trong hoạt động nghề nghiệp tương lai.	1	CĐR 14 (THUY, CNTP) CĐR 15 (CNKO) CĐR 16 (QLDD, NNTQ, KETOAN, TMĐT)
	LO3.2: Xem xét và giải thích các hiện tượng tâm lý trong đời sống xã hội theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng.	2	CĐR 14 (THUY, CNTP) CĐR 15 (CNKO) CĐR 16 (QLDD, NNTQ, KETOAN, TMĐT)
	LO3.3: Hình thành niềm say mê học tập và nghiên cứu. Có khả năng làm việc độc lập, tự chủ.	2	CĐR 14 (THUY, CNTP) CĐR 15 (CNKO) CĐR 16 (QLDD, NNTQ, KETOAN, TMĐT)
	LO3.4: Có thái độ đúng đắn đối với việc học tập môn tâm lý học, có ý thức tìm hiểu, vận dụng kiến thức tâm lý học vào cuộc sống và nghề nghiệp sau này.	2	CĐR 14 (THUY, CNTP) CĐR 15 (CNKO) CĐR 16 (QLDD, NNTQ, KETOAN, TMĐT)

PHỤ LỤC 2

MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

1. Mục tiêu học phần

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (X.x.x)
G1	Người học giải thích được tâm lý học là gì, quá trình hình thành và phát triển của các hiện tượng tâm lý. Trình bày được cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của các hiện tượng tâm lý. Phân tích được các quy luật tâm lý và các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành phát triển nhân cách.	CĐR 2
G2	Phát triển các kỹ năng đọc tài liệu, kỹ năng chuẩn bị xemina theo yêu cầu của giáo viên, kỹ năng phân tích và tổng hợp các tri thức tâm lý được học để nhận dạng các hiện tượng tâm lý cơ bản, kỹ năng thảo luận và tự học, tự nghiên cứu tài liệu. Vận dụng được các quy luật tâm lý đã học trong học tập và trong cuộc sống.	CĐR 12 (CNTTP) CĐR 13 (CNKO, THUY) CĐR 14 (KETOAN, TMĐT, NNTQ, QLDD)
G3	Nhận thức rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nghiên cứu các hiện tượng tâm lý trong đời sống, trong quan hệ giao tiếp, ứng xử và đặc biệt trong hoạt động nghề nghiệp tương lai. Hình thành niềm say mê học tập và nghiên cứu. Có khả năng làm việc độc lập, tự chủ. Có thái độ đúng đắn đối với việc học tập môn tâm lý học, có ý thức tìm hiểu, vận dụng kiến thức tâm lý học vào cuộc sống và nghề nghiệp sau này.	CĐR 14 (THUY, CNTTP) CĐR 15 (CNKO) CĐR 16 (QLDD, NNTQ, KETOAN, TMĐT)

2. Chuẩn đầu ra học phần

Mã CĐR	Mô tả CĐR học phần <i>Sau khi học xong môn học này, người học có thể:</i>	Liên kết với CĐR của CTĐT
LO.1	Chuẩn về kiến thức	
LO.1.1	Nhận thức được đối tượng, nhiệm vụ, ý nghĩa của tâm lý học.	CĐR 2
LO.1.2	Giải thích được bản chất hiện tượng tâm lý người. Phân loại các hiện tượng tâm lý và mô tả được các nguyên tắc, phương pháp nghiên cứu tâm lý.	CĐR 2
LO.1.3	Làm rõ được cơ sở tự nhiên, cơ sở xã hội của hiện tượng tâm lý người.	CĐR 2
LO.1.4	So sánh được đặc điểm, quy luật của các quá trình nhận thức cảm tính, nhận thức lý tính, trí nhớ và vai trò của nó trong hoạt động thực tiễn.	CĐR 2

Mã CDR	Mô tả CDR học phần <i>Sau khi học xong môn học này, người học có thể:</i>	Liên kết với CDR của CTĐT
LO.1.5	Giải thích được các giai đoạn phát triển tâm lý theo lứa tuổi. Phân tích được bản chất và sự hình thành phát triển tâm lý, ý thức.	CDR 2
LO.1.6	Làm rõ được vai trò của đời sống tình cảm và hành động ý chí đối với đời sống của con người.	CDR 2
LO.1.7	Khái quát được cấu trúc và các thuộc tính cơ bản của nhân cách. Chỉ ra được các yếu tố chi phối sự hình thành và phát triển nhân cách.	CDR 2
LO.2	<i>Chuẩn về kỹ năng</i>	
LO.2.1	Sử dụng các kiến thức tâm lý học vào việc giải thích các hiện tượng tâm lý ở người trong hoạt động, trong giao tiếp ứng xử và thực tiễn nghề nghiệp.	CDR 12 (CNTP) CDR 13 (CNKO, THUY) CDR 14 (KETOAN, TMĐT, NNTQ, QLDD)
LO.2.2	Lý giải, xử lý các tình huống xảy ra trong cuộc sống và có khả năng làm việc hiệu quả.	CDR 12 (CNTP) CDR 13 (CNKO, THUY) CDR 14 (KETOAN, TMĐT, NNTQ, QLDD)
LO.2.3	Chỉ ra được sự khác nhau giữa nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính. Từ đó làm rõ vai trò của hoạt động nhận thức đối với học tập và lao động.	CDR 12 (CNTP) CDR 13 (CNKO, THUY) CDR 14 (KETOAN, TMĐT, NNTQ, QLDD)
LO.2.4	Đưa kiến thức tâm lý học vào cuộc sống, vào việc hình thành, phát triển tâm lý, ý thức, phẩm chất, nhân cách của bản thân. Nâng cao khả năng tự học, tự nghiên cứu, khả năng làm việc độc lập.	CDR 12 (CNTP) CDR 13 (CNKO, THUY) CDR 14 (KETOAN, TMĐT, NNTQ, QLDD)
LO.3	<i>Chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề</i>	
LO.3.1	Nhận thức rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nghiên cứu các hiện tượng tâm lý trong đời sống, trong quan hệ giao tiếp ứng xử và đặc biệt trong hoạt động nghề nghiệp tương lai.	CDR 14 (THUY, CNTP) CDR 15 (CNKO) CDR 16 (QLDD, NNTQ, KETOAN, TMĐT)
LO.3.2	Xem xét và giải thích các hiện tượng tâm lý trong đời sống xã hội theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng.	CDR 14 (THUY, CNTP) CDR 15 (CNKO) CDR 16 (QLDD, NNTQ, KETOAN, TMĐT)

Mã CDR	Mô tả CDR học phần <i>Sau khi học xong môn học này, người học có thể:</i>	Liên kết với CDR của CTĐT
<i>LO.3.3</i>	Hình thành niềm say mê học tập và nghiên cứu. Có khả năng làm việc độc lập, tự chủ.	CDR 14 (THUY, CNTP) CDR 15 (CNKO) CDR 16 (QLDD, NNTQ, KETOAN, TMĐT)
<i>LO.3.4</i>	Có thái độ đúng đắn đối với việc học tập môn tâm lý học, có ý thức tìm hiểu, vận dụng kiến thức tâm lý học vào cuộc sống và nghề nghiệp sau này.	CDR 14 (THUY, CNTP) CDR 15 (CNKO) CDR 16 (QLDD, NNTQ, KETOAN, TMĐT)

PHỤ LỤC 3
NỘI DUNG CỦA HỌC PHẦN

Tuần thứ	Nội dung	Hoạt động dạy và học	Số tiết LT/TL	Tài liệu học tập, tham khảo	CĐR học phần
1	Chương 1: Tâm lý học là một khoa học 1.1 Vài nét về lịch sử hình thành và phát triển của tâm lý học 1.1.1 Những tư tưởng tâm lý học thời cổ đại 1.1.2 Những tư tưởng tâm lý học đến nửa đầu thế kỷ XIX 1.1.3 Tâm lý học trở thành một khoa học độc lập 1.2 Đối tượng, nhiệm vụ, vị trí của tâm lý học 1.2.1 Đối tượng của tâm lý học 1.2.2 Nhiệm vụ của tâm lý học 1.2.3 Vị trí của tâm lý học 1.3 Bản chất, chức năng, phân loại các hiện tượng tâm lý 1.3.1 Bản chất của tâm lý người 1.3.2 Chức năng của tâm lý 1.3.3 Phân loại các hiện tượng tâm lý 1.4 Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý 1.4.1 Các nguyên tắc phương pháp luận của tâm lý học 1.4.2 Các phương pháp nghiên cứu tâm lý	<u>Giảng viên:</u> - Giới thiệu học phần, đề cương chi tiết, TL học tập, TL tham khảo, qui định thi, kiểm tra, đánh giá, hướng dẫn kế hoạch học tập. - Thuyết trình và giải thích nội dung của chương 1. - Phát vấn về nội dung bản chất của tâm lý người. - Trả lời các câu hỏi của SV nếu có. - Giao nhiệm vụ thảo luận cho sinh viên. <u>Sinh viên:</u> - Trên lớp: Nghiên cứu TL học tập và tham khảo. Chuẩn bị trả lời các câu hỏi phát vấn và thảo luận. - Về nhà: Đọc tài liệu chương 1 và trả lời câu hỏi 1,2,3,4 cuối chương .	1/2	[1] [2] [3] [4]	LO1.1 LO1.2 LO2.1 LO3.1

2	Chương 2. Cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lý người. 2.1 Cơ sở tự nhiên của tâm lý người 2.1.1 Di truyền và tâm lý 2.1.2. Não và tâm lý 2.1.3 Phản xạ có điều kiện và tâm lý	<u>Giảng viên:</u> - GV thuyết trình và giải thích cơ sở tự nhiên của tâm lý người. - Phát vấn - Giải đáp các câu hỏi thắc mắc của SV nếu có. - Chia sinh viên lớp thành 3 nhóm nhỏ. Đưa câu hỏi làm việc nhóm cho sinh viên. <u>Sinh viên:</u> - Trên lớp: Sinh viên đọc TL học tập và tham khảo phần chương 2. Trả lời các câu hỏi phát vấn và làm việc nhóm theo câu hỏi GV giao. Trình bày đáp án. - Về nhà: Đọc tài liệu chính và tài liệu tham khảo phần cơ sở tự nhiên của tâm lý người. Trả lời câu hỏi 1 cuối chương.	1/2	[1] [2] [3] [4]	LO1.3 LO2.1 LO3.2
3	2.1.4 Hệ thống tín hiệu thứ hai và tâm lý 2.2 Cơ sở xã hội của tâm lý người 2.2.1 Quan hệ xã hội, nền văn hoá xã hội và tâm lý con người 2.2.1 Quan hệ xã hội, nền văn hoá xã hội và tâm lý con người (tiếp) 2.2.2 Hoạt động và tâm lý 2.2.3 Giao tiếp và tâm lý 2.2.4 Một số hiện tượng tâm lý xã hội	<u>Giảng viên:</u> - GV giải thích về cơ sở xã hội của tâm lý người. - Phát vấn. - Trả lời các câu hỏi của SV nếu có. - Đưa nhiệm vụ thảo luận, hướng dẫn sinh viên thảo luận. Nhận xét, kết luận. <u>Sinh viên:</u> - Trên lớp: Sinh viên Nghiên cứu TL học tập và tham khảo chương 2 phần cơ sở xã hội của tâm lý. Suy nghĩ và trả lời các câu hỏi phát vấn, tiến hành thảo luận. -Về nhà: Ôn lại nội dung của chương 2 và trả lời câu hỏi 2,3,4 cuối chương.	1/2	[1] [2] [3] [4]	LO1.3 LO2.1 LO3.2

4	Chương 3. Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức 3.1 Sự hình thành và phát triển tâm lý 3.1.1 Sự nảy sinh và phát triển tâm lý về phương diện loài 3.1.2 Sự hình thành và phát triển tâm lý về phương diện cá thể 3.2 Sự hình thành và phát triển ý thức 3.2.1 Khái niệm chung về ý thức	<u>Giảng viên:</u> - Thuyết trình về nội dung của buổi dạy. - Phát vấn về khái niệm sự phát triển tâm lý và các giai đoạn phát triển tâm lý theo lứa tuổi. - Giải đáp các câu hỏi của SV đặt ra. - Đưa tình huống cho sinh viên giải quyết. <u>Sinh viên:</u> - Trên lớp: Nghiên cứu TL chính và tham khảo phần chương 3. Chuẩn bị trả lời các câu hỏi phát vấn và giải quyết tình huống GV đưa ra. - Về nhà: Nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi 1 cuối chương.	1/2	[1] [2] [3] [4]	LO1.3 LO1.5 LO2.2 LO2.4 LO3.1
5	3.2.2 Sự hình thành và phát triển ý thức 3.2.3 Các cấp độ ý thức 3.2.4 Chú ý - điều kiện của hoạt động có ý thức 3.2.4 Chú ý - điều kiện của hoạt động có ý thức (tiếp)	<u>Giảng viên:</u> - Thuyết trình và giải thích nội dung của bài dạy. - Nêu vấn đề và phát vấn - Trả lời các câu hỏi thắc mắc của SV - Giao nhiệm vụ thảo luận, hướng dẫn thảo luận. <u>Sinh viên:</u> - Trên lớp: Nghiên cứu TL học tập và tham khảo. Suy nghĩ và trả lời các câu hỏi phát vấn và thảo luận. - Về nhà: Tìm kiếm tài liệu trên internet để giải quyết bài tập tình huống GV giao.	1/2	[1] [2] [3] [4]	LO1.5 LO2.2 LO2.4 LO3.1
6	Kiểm tra bài 1 Chương 4: Hoạt động nhận thức 4.1 Nhận thức cảm tính 4.1.1 Cảm giác	<u>Giảng viên:</u> - GV đưa đề kiểm tra cho sinh viên. - Thuyết trình nội dung của bài dạy.	0,5/1,5 Kiểm tra 1 tiết	[1] [2] [3] [4]	LO1.4 LO2.2 LO2.3 LO3.3

	4.1.1.1 Khái niệm cảm giác 4.1.1.2 Các loại cảm giác 4.1.1.3 Các quy luật cơ bản của cảm giác	- Phát vấn. Trả lời các câu hỏi của SV nếu có. - Gv chia sv thành 3 nhóm. Đưa câu hỏi làm việc nhóm. Nhận xét, kết luận. <u>Sinh viên:</u> - Trên lớp: Làm bài kiểm tra 1 tiết. Nghiên cứu TL học tập và tham khảo, trả lời các câu hỏi của GV và tiến hành làm việc nhóm theo câu hỏi trong thời gian 5p. Trình bày đáp án. - Về nhà: Xem lại nội dung bài học và sưu tầm thêm các hình ảnh về các quy luật của cảm giác.			
7	4.1.2 Tri giác 4.1.2.1 Khái niệm tri giác 4.1.2.2 Các loại tri giác 4.1.2.3 Các quy luật cơ bản của tri giác 4.2 Nhận thức lý tính 4.2.1 Tư duy 4.2.1.1 Khái niệm tư duy 4.2.1.2 Các loại tư duy	<u>Giảng viên:</u> - GV thuyết trình nội dung của bài: quá trình nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính. - Phát vấn - Giải đáp các thắc mắc của SV nếu có. - Giao nhiệm vụ thảo luận. <u>Sinh viên:</u> - Trên lớp: Đọc tài liệu, suy nghĩ và trả lời các câu hỏi phát vấn của GV. Tiến hành thảo luận theo yêu cầu của GV. - Về nhà: Xem lại nội dung bài học và trả lời câu hỏi 1,2,3 cuối chương 4.	0,5/2,5	[1] [2] [3] [4]	LO1.4 LO2.2 LO2.3 LO3.3
8	4.2.1.3 Các giai đoạn và thao tác của tư duy 4.2.2 Tưởng tượng 4.2.2.1 Khái niệm tưởng tượng 4.2.2.2 Các loại tưởng tượng 4.2.2.3 Các cách sáng tạo hình ảnh mới trong tưởng tượng	<u>Giảng viên:</u> - Thuyết trình và giải thích nội dung của bài dạy. - nêu vấn đề và phát vấn - Trả lời các câu hỏi của SV - Chia lớp thành 3 nhóm. Đưa tình huống cho từng	1/2	[1] [2] [3] [4]	LO1.4 LO2.2 LO2.3 LO3.3

	4.3 Ngôn ngữ và nhận thức 4.3.1 Khái niệm ngôn ngữ	nhóm. Nhận xét, bổ sung, kết luận. Sinh viên: - Trên lớp: Nghiên cứu TL học tập và tham khảo có liên quan đến bài học. Chuẩn bị trả lời các câu hỏi phát vấn và làm việc nhóm giải quyết tình huống. Trình bày kết quả. - Về nhà: Đọc tài liệu phần chương 4 và trả lời câu hỏi 4,5 cuối chương.			
9	4.3.2 Các chức năng của ngôn ngữ 4.3.3 Các loại ngôn ngữ 4.3.4 Vai trò của ngôn ngữ đối với hoạt động nhận thức Chương 5. Trí nhớ 5.1 Khái niệm về trí nhớ 5.1.1 Định nghĩa 5.1.2 Đặc điểm của trí nhớ 5.2 Các quá trình cơ bản của trí nhớ 5.2.1 Quá trình ghi nhớ	Giảng viên: - Thuyết trình nội dung của buổi dạy. - Phát vấn - Trả lời các câu hỏi của SV khi SV hỏi. - Đưa tình huống thảo luận và hướng dẫn SV giải quyết tình huống. Nhận xét, kết luận. Sinh viên: - Trên lớp: Sinh viên tham khảo tài liệu, suy nghĩ và trả lời các câu hỏi phát vấn. Giải quyết tình huống theo hướng dẫn của GV. - Về nhà: Ôn tập nội dung chương 4,5 để tuần sau thi giữa học phần.	1/2	[1] [2] [3] [4]	LO1.4 LO2.2 LO2.3 LO3.3
10	5.2.2 Quá trình gìn giữ 5.2.3 Quá trình tái hiện 5.2.4 Sự quên 5.3 Làm thế nào để có trí nhớ tốt 5.3.1 Làm thế nào để ghi nhớ tốt 5.3.2 Làm thế nào để ôn tập tốt những cái đã ghi nhớ 5.3.3 Làm thế nào để hồi	Giảng viên: - Giải thích nội dung của bài dạy. - Phát vấn - Giải đáp các câu hỏi thắc mắc của SV. Đưa câu hỏi thảo luận. - Đưa đề thi giữa học phần cho sinh viên. Sinh viên:	1/2	[1] [2] [3] [4]	LO1.4 LO2.2 LO2.3 LO3.3

	tưởng cái đã quên Thi giữa học phần	- Trên lớp: Nghiên cứu TL học tập và tham khảo phần Trí nhớ. Trả lời các câu hỏi phát vấn và thảo luận. Làm bài thi giữa học phần. - Về nhà: Xem lại nội dung học trên lớp và làm các câu hỏi nội dung ôn tập cuối chương 5.			
11	Chương 6. Tình cảm và ý chí 6.1 Tình cảm 6.1.1 Khái niệm tình cảm 6.1.2 Đặc điểm của tình cảm 6.1.3 Vai trò của tình cảm 6.1.4 Các mức độ của đời sống tình cảm 6.1.4.1 Mức độ 1: Màu sắc xúc cảm của cảm giác 6.1.4.2 Mức độ 2: Xúc cảm	<u>Giảng viên:</u> - Thuyết trình và giải thích nội dung của tiết dạy. - Phát vấn về nội dung tình cảm. - Trả lời các câu hỏi của SV - Đưa tình huống thảo luận <u>Sinh viên:</u> - Trên lớp: Nghiên cứu TL học tập và tham khảo phần tình cảm trong chương 6. Suy nghĩ và trả lời các câu hỏi phát vấn và thảo luận giải quyết tình huống. - Về nhà: Ôn tập lại nội dung đã học. Trả lời câu hỏi ôn tập 1,2 cuối chương.	1/2	[1] [2] [5] [6]	LO1.4 LO1.6 LO2.3 LO2.4 LO3.3 LO3.4
12	6.1.4.3 Mức độ 3: Tình cảm 6.1.5 So sánh xúc cảm và tình cảm 6.1.6 Các qui luật của đời sống tình cảm 6.2 Ý chí và hành động ý chí 6.2.1 Ý chí	<u>Giảng viên:</u> - Thuyết trình nội dung của phần xúc cảm và tình cảm. - Phát vấn - Giải đáp thắc mắc của SV - Đưa câu hỏi thảo luận. <u>Sinh viên:</u> - Trên lớp: Đọc TL học tập chính và tài liệu tham khảo phần tình cảm và ý chí. Suy nghĩ và trả lời các câu hỏi phát vấn, tiến hành thảo luận. - Về nhà: Nghiên cứu tài liệu và giải quyết tình huống GV giao.	1/2	[1] [2] [5] [6]	LO1.6 LO2.2 LO2.4 LO3.2 LO3.4

13	6.2.2 Hành động ý chí 6.2.3 Hành động tự động hoá Chương 7. Sự hình thành, phát triển và hoàn thiện nhân cách 7.1 Khái niệm chung về nhân cách 7.1.1 Khái niệm con người, cá nhân, cá tính, nhân cách 7.1.2 Khái niệm nhân cách trong tâm lý học 7.1.3 Các đặc điểm cơ bản của nhân cách 7.2 Các kiểu nhân cách 7.2.1 Phân loại nhân cách theo định hướng giá trị 7.2.2 Phân loại nhân cách qua giao tiếp 7.2.3 Phân loại nhân cách qua bộc lộ bản thân và trong hoạt động giao tiếp	<u>Giảng viên:</u> - Giải thích nội dung của bài dạy. - Phát vấn - Trả lời các câu hỏi của SV nếu có. - Giao nhiệm vụ cho sinh viên thảo luận. <u>Sinh viên:</u> - Trên lớp: Nghiên cứu TL học tập và tham khảo. Chuẩn bị trả lời các câu hỏi phát vấn và giải quyết tình huống thảo luận. - Về nhà: Đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi 1,2 ôn tập cuối chương 7.	0,5/2,5	[1] [2] [5] [6]	LO1.6 LO1.7 LO2.2 LO2.3 LO2.4 LO3.2 LO3.4
14	7.2.4 Các kiểu nhân cách sinh viên 7.3 Cấu trúc của nhân cách 7.3.1 Xu hướng nhân cách và động cơ nhân cách 7.3.2 Tính cách 7.3.3 Khí chất	<u>Giảng viên:</u> - Thuyết trình và lấy ví dụ giải thích nội dung của bài. - Phát vấn. - Giải đáp các câu hỏi của SV. - Đưa câu hỏi thảo luận. <u>Sinh viên:</u> - Trên lớp: Nghiên cứu TL học tập và tham khảo chương 7. Trả lời các câu hỏi phát vấn và thảo luận theo câu hỏi của GV. - Về nhà: Ôn tập lại nội dung đã học và trả lời các câu hỏi cuối chương để tuần sau kiểm tra 1 tiết.	0,5/2,5	[1] [2] [5] [6]	LO1.7 LO2.3 LO2.4 LO3.1 LO3.4
15	7.3.4 Năng lực 7.4. Sự hình thành, phát triển và hoàn thiện nhân	<u>Giảng viên:</u> - Thuyết trình và giải thích nội dung của buổi dạy.	1/1 Kiểm tra 1	[1] [2] [5]	LO1.7 LO2.3

	cách 7.4.1 Các yếu tố chi phối sự hình thành và phát triển nhân cách 7.4.2 Sự hoàn thiện nhân cách Kiểm tra bài 2	- Phát vấn - Trả lời các câu hỏi của SV nếu có. - Chia nhóm lớp và Giao nhiệm vụ làm việc nhóm. <u>Sinh viên:</u> - Trên lớp: Đọc TL học tập và tham khảo. Suy nghĩ, trả lời các câu hỏi phát vấn và làm việc nhóm. Làm bài kiểm tra số 2. - Về nhà: Xem lại nội dung đã học ở chương 7 và trả lời câu hỏi 3,4,5 cuối chương. Ôn lại toàn bộ nội dung học phần chuẩn bị cho thi kết thúc học phần.	tiết	[6]	LO2.4 LO3.1 LO3.4
--	---	--	------	-----	-------------------------

PHỤ LỤC 4
PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

TT	Điểm thành phần (Tỷ lệ %)	Quy định	Chuẩn đầu ra học phần														
			LO1.1	LO1.2	LO1.3	LO1.4	LO1.5	LO1.6	LO1.7	LO2.1	LO2.2	LO2.3	LO2.4	LO3.1	LO3.2	LO3.3	LO3.4
1	Điểm quá trình (50%)	1. Kiểm tra định kỳ lần 1 + Hình thức: <i>Tự luận</i> + Thời điểm: <i>Tuần 6</i> + Hệ số: 1	X	X	X					X	X			X	X	X	X
		2. Kiểm tra định kỳ lần 2 + Hình thức: <i>Tự luận</i> + Thời điểm: <i>Tuần 15</i> + Hệ số: 1						X	X			X	X	X	X	X	X
		3. Thi giữa học phần + Hình thức: <i>Tự luận</i> + Thời điểm: <i>Tuần 10</i> + Hệ số: 2				X	X			X	X			X	X	X	X
		4. Kiểm tra chuyên cần + Hình thức: <i>Điểm danh theo thời gian</i>	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

TT	Điểm thành phần (Tỷ lệ %)	Quy định	Chuẩn đầu ra học phần														
			LO1.1	LO1.2	LO1.3	LO1.4	LO1.5	LO1.6	LO1.7	LO2.1	LO2.2	LO2.3	LO2.4	LO3.1	LO3.2	LO3.3	LO3.4
		tham gia học trên lớp + Hệ số: 1															
2	Điểm thi kết thúc học phần (50 %)	+ Hình thức: Tự luận đối với sinh viên liên thông ngoài trường, vấn đáp đối với sinh viên chính quy học tại trường. + Thời điểm: Theo lịch thi học kỳ + Tính chất: Bắt buộc	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X